

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TĐC21B** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MD04260** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Thực hành trang bị điện**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2						ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTĐC0267	Huỳnh Văn Bo	19/04/2006				8	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.5			6.7
2	21BTĐC0268	Lê Nguyễn Tiến Đạt	21/02/2006				7.5	8.0	8.0	7.5	8.0	7.0	9.0			8.5
3	21BTĐC0269	Phùng Văn Đông	22/04/2006				7	9.0	8.0	7.0	7.0	7.0	8.0			7.8
4	21BTĐC0270	Nguyễn Nhật Trường Em	12/01/2006				6.5	7.0	6.0	6.5	7.0	6.5	8.0			7.4
5	21BTĐC0271	Nguyễn Hồng Gia	19/11/2005				6.5	7.0	7.0	6.5	7.0	7.0	8.0			7.5
6	21BTĐC0278	Ngô Tuấn Khang	29/11/2006				6.5	7.0	7.0	6.5	7.0	6.5	7.0			6.9
7	21BTĐC0279	Nguyễn Nhựt Khang	15/08/2006				6	6.0	6.5	6.0	6.5	6.5	6.0			6.1
8	21BTĐC0282	Lâm Tuấn Kiệt	12/07/2006				7	6.0	6.5	7.0	7.0	6.5	7.0			6.9
9	21BTĐC0283	Võ Tuấn Kiệt	18/11/2006				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
10	21BTĐC0286	Nguyễn Hữu Lượng	04/12/2006				8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	9.0			8.5
11	21BTĐC0291	Nguyễn Bảo Phúc	23/06/2006				8	7.5	7.0	8.0	7.0	7.0	8.0			7.7
12	21BTĐC0293	Hà Quốc Thắng	27/12/2006				6	6.0	6.5	6.0	6.5	6.0	6.0			6.1
13	21BTĐC0294	Ngô Trung Thành	22/02/2006				6.5	7.0	6.5	6.5	7.0	7.0	7.0			6.9
14	21BTĐC0296	Võ Thành Tín	01/05/2003				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
15	21BTĐC0299	Lương Khiết Tường	23/08/2006				6	6.0	6.5	6.0	6.5	6.5	6.0			6.1

Châu Đốc, ngày 27 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phùng Chí Hiếu